TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 227/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 29 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 302/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các Điều 147; 212; 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 71 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn G.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 25/6/2006 cho đến ngày con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn G cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị C 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2020 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị S nhận nộp toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0000321 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: HS, AV.

THẨM PHÁN

Phạm Quốc Bảo